# VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

## VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2019 hợp nhất Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ**

(Tiếp theo Công báo số 949 + 950)

### Mục 3
### QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE

**Điều 21. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe**

1. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe ô tô phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động (sau đây gọi là trung tâm sát hạch).

2. Việc sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và A4 ở các đô thị từ loại 2 trở lên phải được thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe có đủ điều kiện hoạt động; các địa bàn khác thực hiện tại các sân sát hạch có đủ các hạng mục công trình cơ bản, phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và xe cơ giới dùng để sát hạch của từng hạng giấy phép lái xe theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

3. Nội dung sát hạch cấp giấy phép lái xe

a) Sát hạch lý thuyết: gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe, ngoài ra còn có nội dung liên quan đến cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải (đối với giấy phép lái xe hạng A3, A4); cấu tạo và sửa chữa thông thường, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô hạng B1); cấu tạo và sửa chữa thông thường, nghiệp vụ vận tải, đạo đức người lái xe (đối với giấy phép lái xe ô tô từ hạng B2 trở lên).

Người dự sát hạch lái xe hạng A1 có giấy phép lái xe ô tô do ngành Giao thông vận tải cấp được miễn sát hạch lý thuyết.

b) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2

Người dự sát hạch phải điều khiển xe mô tô qua 04 bài sát hạch: đi theo hình số 8, qua vạch đường thẳng, qua đường có vạch cản, qua đường gồ ghề.

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A3, A4

Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi và lùi theo hướng ngược lại.

d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D và E

Người dự sát hạch phải thực hiện đúng trình tự và điều khiển xe qua các bài sát hạch đã bố trí tại trung tâm sát hạch như: xuất phát, dừng xe nhường đường cho người đi bộ, dừng và khởi hành xe trên dốc, qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc, qua ngã tư có đèn tín hiệu điều khiển giao thông, qua đường vòng quanh co, ghép xe vào nơi đỗ (hạng B1, B2 và C thực hiện ghép xe dọc; hạng B1, B2 và D, E thực hiện ghép xe ngang), tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua, thao tác khi gặp tình huống nguy hiểm, thay đổi số trên đường bằng, kết thúc.

đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng FB2, FD và FE

Người dự sát hạch điều khiển xe qua bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại.

e) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với hạng FC

Người dự sát hạch điều khiển xe qua 02 bài sát hạch: tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại; ghép xe dọc vào nơi đỗ.

g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường: người dự sát hạch điều khiển xe ô tô sát hạch, xử lý các tình huống trên đường giao thông và thực hiện hiệu lệnh của sát hạch viên.

h)[31] Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: Người dự sát hạch xử lý các tình huống mô phỏng xuất hiện trên máy tính;

---

[31] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

i)[32] Sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

Người dự sát hạch phải điều khiển xe tiến qua hình chữ chi.

**4. Việc tổ chức sát hạch lái xe được thực hiện như sau:**

a) Sát hạch lý thuyết đối với hạng A1 ở các đô thị từ loại 2 trở lên thực hiện trên máy vi tính; các địa bàn khác thực hiện trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy vi tính; phòng sát hạch lý thuyết có camera giám sát quá trình sát hạch;

b) Sát hạch lý thuyết đối với các hạng A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E và các hạng F thực hiện trên máy vi tính; phòng sát hạch lý thuyết có camera giám sát và công khai quá trình sát hạch;

c) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng A1, A2 ở các đô thị từ loại 3 trở lên phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động; các địa bàn khác có khoảng cách đến trung tâm đô thị từ loại 3 trở lên dưới 100 km phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động từ ngày 01 tháng 7 năm 2018;

d) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng F thực hiện tại trung tâm sát hạch lái xe hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện thuộc trung tâm sát hạch lái xe;

đ) Sát hạch thực hành lái xe trong hình đối với các hạng B1, B2, C, D, E thực hiện tại trung tâm sát hạch có thiết bị chấm điểm tự động, không có sát hạch viên ngồi trên xe sát hạch;

e) Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông áp dụng đối với các hạng B1, B2, C, D, E và F;

g) Sát hạch thực hành lái xe trên đường đối với các hạng B1, B2, C, D và E phải sử dụng thiết bị chấm điểm tự động và có một sát hạch viên trên xe.

---

[32] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

h)[33] Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thực hiện tại trung tâm sát hạch.

5. Tổng cục Đường bộ Việt Nam hướng dẫn cụ thể quy trình sát hạch lái xe.

**Điều 22. Chuẩn bị kỳ sát hạch**

Cơ quan quản lý sát hạch thực hiện các công việc sau:

1. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A1, A2

a) Tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A2 do cơ sở đào tạo gửi;

b) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Thông tư này;

c) Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tổ chức kỳ sát hạch; thành lập Tổ sát hạch.

2. Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F

a) Tiếp nhận báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, Phụ lục 3b và Phụ lục 3c ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tiếp nhận báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe kèm danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) của cơ sở đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 11a và Phụ lục 11b ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo 2 gửi bằng đường bưu chính và truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe về Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải trước kỳ sát hạch 07 ngày làm việc;

c) Kiểm tra hồ sơ và điều kiện người dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Thông tư này và người dự sát hạch phải có tên trong danh sách học viên (báo cáo 1), danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2) và có bản xác minh giấy phép lái xe đã cấp (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe);

---

[33] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Người được giao nhiệm vụ kiểm tra, duyệt hồ sơ thí sinh dự sát hạch phối hợp với cơ sở đào tạo lập biên bản kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục 11c ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Dự kiến kế hoạch sát hạch và thông báo cho cơ sở đào tạo và người dự sát hạch;

đ) Trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải duyệt và ra quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe; thành lập Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục 12a ban hành kèm theo Thông tư này và danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe các hạng theo mẫu quy định tại các Phụ lục 12b và Phụ lục 12c ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với việc sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe do bị quá hạn, bị mất

a) Rà soát, kiểm tra các điều kiện theo quy định tại Điều 36, lập danh sách thí sinh dự sát hạch lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tổ chức cùng với kỳ sát hạch lái xe quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; trường hợp chưa có kỳ sát hạch lái xe phù hợp, có thể thành lập Hội đồng, Tổ sát hạch lái xe theo quy định (thành phần Hội đồng, Tổ sát hạch không có thành viên của cơ sở đào tạo);

b) Đối với địa phương chưa có trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2: nếu chỉ có thí sinh sát hạch lại lý thuyết thì có thể tổ chức sát hạch tại địa phương theo bộ đề hoặc phần mềm sát hạch do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao; nếu sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành thì phải sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe của địa phương khác theo quy định.

**Điều 23. Hội đồng sát hạch**

1. Hội đồng sát hạch do Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập

a) Hội đồng làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch hội đồng;

b) Hội đồng sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Thành phần của Hội đồng sát hạch

a)[34] Chủ tịch hội đồng là người đại diện của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, có giấy phép lái xe ô tô, được lãnh đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc lãnh đạo Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ;

b) Các ủy viên gồm: Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe, Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe, Tổ trưởng Tổ sát hạch và Ủy viên thư ký; Ủy viên thư ký là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch

a) Chỉ đạo kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;

b) Phân công và sắp xếp kế hoạch thực hiện kỳ sát hạch;

c) Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy sát hạch, thông báo mức phí, lệ phí sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các quy định cần thiết cho các sát hạch viên và người dự sát hạch;

d) Tổ chức kỳ sát hạch theo quy định;

đ) Lập biên bản xử lý các vi phạm quy định sát hạch theo quyền hạn được giao và báo cáo cơ quan có thẩm quyền;

e) Yêu cầu cơ sở đào tạo và người dự sát hạch bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra tai nạn (do lỗi của thí sinh dự sát hạch gây ra) trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;

g) Tổng hợp kết quả kỳ sát hạch và ký xác nhận biên bản;

h) Gửi, lưu trữ các văn bản, tài liệu của kỳ sát hạch tại cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe và Cơ quan quản lý sát hạch.

**Điều 24. Tổ sát hạch**

1. Tổ sát hạch do Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành lập.

---

[34] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

a) Tổ sát hạch chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng sát hạch. Tổ sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1, A2 chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cơ quan quản lý sát hạch;

b) Tổ sát hạch tự giải thể khi kết thúc kỳ sát hạch.

2. Tổ sát hạch gồm Tổ trưởng và các sát hạch viên

a) Tổ trưởng là sát hạch viên và là người của Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam; khi thực hiện nhiệm vụ tại kỳ sát hạch lái xe ô tô phải có thẻ sát hạch viên lái xe ô tô;

b) Sát hạch viên là người của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (trừ thanh tra viên, công chức thanh tra) và giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe. Giáo viên của cơ sở đào tạo lái xe phải có thâm niên giảng dạy và đóng bảo hiểm xã hội liên tục tối thiểu 03 năm, không được sát hạch đối với học viên do cơ sở trực tiếp đào tạo.

3. Tiêu chuẩn của sát hạch viên

a)[35] Có tư cách đạo đức tốt, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;

b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên. Đối với sát hạch viên đã có thẻ trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu chưa đáp ứng được tiêu chuẩn này, sau 03 năm phải hoàn thiện để đáp ứng;

c) Có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch ít nhất 03 năm;

d) Được tập huấn về nghiệp vụ sát hạch và được Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp thẻ sát hạch viên.

4. Thẻ sát hạch viên có thời hạn 03 năm, theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch

a) Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị chấm điểm, sân sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;

---

[35] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

b)[36] Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và khu vực sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;

c) Lập biên bản, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch;

d) Sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch hoặc Cơ quan quản lý sát hạch (đối với sát hạch cấp giấy phép lái xe các hạng A1, A2);

đ) Sát hạch viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sát hạch. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả chung của kỳ sát hạch.

6.[37] Trang phục của sát hạch viên

a) Khi thi hành nhiệm vụ, sát hạch viên phải mặc trang phục theo quy định tại Phụ lục 25 ban hành kèm theo Thông tư này và đeo thẻ sát hạch viên theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Trang phục

Trang phục của sát hạch viên lái xe cơ giới đường bộ bao gồm: Áo, quần, váy nữ, cà vạt (cravat), thắt lưng, giầy da, bít tất và băng đỏ (đối với Tổ trưởng sát hạch).

b) Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát

| STT | Tên trang phục | Số lượng | Niên hạn cấp phát |
|---|---|---|---|
| 1 | Áo Vest | 01 chiếc | 03 năm |
| 2 | Áo thu - đông | 02 chiếc | 03 năm |
| 3 | Áo xuân - hè | 02 chiếc | 03 năm |

[36] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[37] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Quần nam | 02 chiếc | 03 năm |
| 5 | Quần nữ | 01 chiếc | 03 năm |
| 6 | Váy nữ | 01 chiếc | 03 năm |
| 7 | Giầy da | 01 đôi | 03 năm |
| 8 | Cà vạt | 01 chiếc | 03 năm |
| 9 | Thắt lưng | 01 chiếc | 03 năm |
| 10 | Bít tất | 06 đôi | 03 năm |
| 11 | Băng đỏ | 01 chiếc | 03 năm |

d) Quản lý và sử dụng trang phục

Sát hạch viên được cấp trang phục để sử dụng khi thi hành công vụ tại các kỳ sát hạch và có trách nhiệm giữ gìn bảo quản trang phục theo quy định; kinh phí mua sắm trang phục theo quy định của pháp luật.”

**Điều 25. Trình tự tổ chức sát hạch**

1. Họp Hội đồng sát hạch và khai mạc kỳ sát hạch

a) Trước khi tổ chức sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ sát hạch;

b) Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến các nội dung có liên quan của kỳ sát hạch cho người dự sát hạch.

2. Sát hạch theo nội dung, quy trình sát hạch.

3. Kết thúc kỳ sát hạch

a) Đối với kỳ sát hạch lái xe các hạng A3, A4, B1, B2, C, D, E và F: Chủ tịch Hội đồng sát hạch tổ chức họp Hội đồng, Tổ sát hạch, Tổ giám sát (nếu có), Tổ trưởng Tổ sát hạch báo cáo kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch. Chủ tịch Hội đồng sát hạch ký tên và đóng dấu vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 15a ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô các hạng A1, A2: Tổ trưởng Tổ sát hạch tổ chức họp các thành viên của Tổ sát hạch, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe, Tổ giám sát (nếu có) thông qua kết quả sát hạch và thống nhất ký biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch. Trưởng Cơ quan quản lý sát hạch ký tên và đóng dấu xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của người dự sát hạch trúng tuyển theo mẫu quy định tại Phụ lục 15b ban hành kèm theo Thông tư này.

Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe là hồ sơ gốc, giao cho người trúng tuyển kỳ sát hạch tự bảo quản.

**Điều 26. Giám sát kỳ sát hạch**

1. Căn cứ tình hình thực tế, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải tổ chức giám sát đột xuất kỳ sát hạch.

2. Cán bộ giám sát kỳ sát hạch là công chức thanh tra thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc công chức thanh tra, thanh tra viên thuộc Sở Giao thông vận tải. Số lượng người giám sát đối với kỳ sát hạch lái xe mô tô là 02 người, sát hạch lái xe ô tô là 03 người, trong đó cử một thanh tra viên làm Tổ trưởng.

3. Khi làm nhiệm vụ giám sát các kỳ sát hạch, người giám sát phải mặc trang phục theo quy định.

4. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch có lắp thiết bị chấm điểm tự động

a) Giám sát việc thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch của Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch; bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch trong quá trình sát hạch;

b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự sát hạch trước khi vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành lái xe trong hình, trên đường; người không có nhiệm vụ không được vào phòng sát hạch lý thuyết;

c) Giám sát việc thực hiện đúng đoạn đường cho phép tổ chức sát hạch lái xe trên đường; theo dõi, thu nhận các thông tin liên quan đến kỳ sát hạch;

d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không vào phòng sát hạch lý thuyết, không lên xe sát hạch, không làm thay nhiệm vụ của sát hạch viên.

5. Nhiệm vụ của Tổ giám sát khi sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch chưa lắp thiết bị chấm điểm tự động

Ngoài nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều này phải giám sát việc chuẩn bị bộ đề sát hạch lý thuyết đúng quy định, không bị đánh dấu.

6. Quyền hạn của Tổ giám sát

a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch xử lý kịp thời, đúng quy định;

b) Báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải để xem xét, xử lý.

7. Kết thúc kỳ sát hạch, Tổ trưởng Tổ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

**Điều 27. Công nhận kết quả sát hạch**[38]

1. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng A1, A2, A3 và A4:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm

[38] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước.

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

2. Xét công nhận kết quả sát hạch đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1 số tự động, hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F:

a) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình và trên đường thì được công nhận trúng tuyển;

b) Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe;

c) Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được sát hạch nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông; không đạt nội dung sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thì không được sát hạch thực hành lái xe trong hình; không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì không được sát hạch nội dung sát hạch lái xe trên đường;

d) Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung sát hạch đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung sát hạch đạt tại kỳ sát hạch gần nhất; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng sát hạch hoặc Tổ sát hạch kỳ trước.

đ) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

3. Cơ quan quản lý sát hạch rà soát, tổng hợp kết quả, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải ra quyết định

công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 16a và Phụ lục 16b ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 28. Lưu trữ hồ sơ kết quả sát hạch**

1. Sau mỗi kỳ sát hạch, Cơ quan quản lý sát hạch chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch, bao gồm:

a) Danh sách học viên (báo cáo 1);

b) Danh sách thí sinh dự sát hạch (báo cáo 2);

c) Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh;

d) Quyết định tổ chức kỳ sát hạch lái xe;

đ) Biên bản phân công nhiệm vụ của Hội đồng sát hạch lái xe;

e) Biên bản phân công nhiệm vụ của Tổ sát hạch lái xe;

g) Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch;

h)[39] Danh sách thí sinh đạt, vắng, trượt các nội dung sát hạch;

i) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch;

k) Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe;

l) Các tài liệu khác có liên quan đến kỳ sát hạch.

2. Cơ sở đào tạo lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a) Tài liệu tại các điểm a, b, c, d, g, h, i, k khoản 1 Điều này;

b)[40] Lưu trữ, bảo quản bài sát hạch lý thuyết, bài sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của từng kỳ sát hạch có đầy đủ chữ ký của người dự sát hạch và sát hạch viên;

---

[39] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[40] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

c) Lưu trữ, bảo quản biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của từng kỳ sát hạch, gồm: chữ ký của người dự sát hạch tại phiếu in kết quả trên ô tô sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường có chữ ký của sát hạch viên.

d)[41] Lưu trữ, bảo quản bản sao các tài liệu quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Thông tư này đối với người trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe.

3. Trung tâm sát hạch lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch bao gồm:

a)[42] Các tài liệu quy định tại các điểm d, g và h khoản 1 Điều này;

b)[43] *(được bãi bỏ)*

c)[44] *(được bãi bỏ)*

d)[45] *(được bãi bỏ)*

đ)[46] Dữ liệu giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình; dữ liệu kết quả sát hạch lý thuyết, thực hành lái xe trong hình, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và sát hạch trên đường.

---

[41] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[42] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[43] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[44] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[45] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[46] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm đ khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

e)[47] Danh sách, kết quả sát hạch lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

4. Người dự sát hạch tự bảo quản hồ sơ lái xe.

5. Thời gian lưu trữ hồ sơ

a) Không thời hạn đối với các tài liệu quy định tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều này;

b)[48] 05 năm đối với các tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều này;

c)[49] *(được bãi bỏ)*

d)[50] 02 năm đối với các tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này, bài thi tốt nghiệp cuối khóa và các tài liệu còn lại;

## Chương III
## QUẢN LÝ SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

### Điều 29. Cơ quan quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý về sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước; Vụ Quản lý phương tiện và Người lái là tổ

---

[47] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[48] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[49] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[50] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm h khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

chức tham mưu giúp Tổng Cục trưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe là tổ chức tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe (gọi là cơ quan quản lý sát hạch).

**Điều 30. Tổng cục Đường bộ Việt Nam**

1.[51] *(được bãi bỏ)*

2.[52] Ban hành Bộ câu hỏi và phần mềm dùng cho sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước; xây dựng hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý nghiệp vụ và các ấn chỉ chuyên ngành phục vụ quản lý công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

3. Kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ các trung tâm sát hạch lái xe, bảo đảm độ chính xác của các thiết bị chấm điểm tự động theo quy định, trường hợp cần thiết có thể tạm dừng để khắc phục; kiểm tra các kỳ sát hạch tại trung tâm sát hạch, xử lý hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

4.[53] Nghiên cứu, xây dựng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông thực tế để hàng năm chuyển giao cho các trung tâm sát hạch cài đặt trên máy tính để sát hạch lái xe; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý công tác sát

---

[51] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[52] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[53] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 18 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

hạch, cấp giấy phép lái xe; thiết lập hệ thống mạng thông tin kết nối cơ quan quản lý sát hạch thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam với các trung tâm sát hạch, cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải và các cơ sở đào tạo lái xe.

5. Chỉ đạo tổ chức thực hiện đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về xây dựng trung tâm sát hạch lái xe;

b) Triển khai và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ để các Sở Giao thông vận tải thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe;

c) Chỉ đạo về nghiệp vụ, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động, kiểm chuẩn phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất của các trung tâm sát hạch lái xe theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ đối với Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Sở Giao thông vận tải;

đ) Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, chỉ đạo, tổ chức tập huấn, cấp thẻ sát hạch viên cho đội ngũ sát hạch viên trong cả nước và lưu trữ hồ sơ sát hạch viên theo quy định; trực tiếp quản lý đội ngũ sát hạch viên thuộc Cơ quan quản lý sát hạch thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

e) Tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe được Bộ Giao thông vận tải giao.

6. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe do Sở Giao thông vận tải chuyển đến; tổ chức cấp, đổi giấy phép lái xe cho các đối tượng gồm:

a) Người lái xe thuộc các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, đoàn thể và các tổ chức quốc tế, ngoại giao có trụ sở cơ quan tại Hà Nội;

b) Người lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý.

7. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam giao.

9. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

**Điều 31. Sở Giao thông vận tải**

1.[54] *(được bãi bỏ)*

2. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về nghiệp vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

3. Xây dựng kế hoạch về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và trực tiếp quản lý, lưu trữ hồ sơ của đội ngũ sát hạch viên.

4. Chỉ đạo xây dựng, quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch thuộc địa phương.

5. Triển khai nối mạng thông tin với trung tâm sát hạch, các cơ sở đào tạo tại địa phương và với Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

6. Triển khai thực hiện dịch vụ công về đổi giấy phép lái xe.

7. Tổ chức các kỳ sát hạch đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý; trường hợp việc sát hạch được tổ chức tại trung tâm sát hạch không thuộc quyền quản lý trực tiếp thì lựa chọn để có kế hoạch tổ chức sát hạch phù hợp.

8. Tiếp nhận, xử lý thông tin đổi giấy phép lái xe, cấp lại giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải khác chuyển đến; tổ chức cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe bị mất và đổi giấy phép lái xe cho người lái xe có nhu cầu.

9. Cập nhật các vi phạm của người lái xe vào Hệ thống thông tin giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cung cấp.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe do Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao.

---

[54] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

11. Công khai lịch, địa điểm tổ chức các kỳ sát hạch lái xe của tháng sau trước ngày 25 của tháng trước trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

**Điều 32. Mẫu giấy phép lái xe**

1. Mẫu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thiết kế tính bảo mật, in, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

**Điều 33. Sử dụng và quản lý giấy phép lái xe**

1. Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. cấp cho mỗi người bảo đảm duy nhất có 01 số quản lý, dùng chung cho cả giấy phép lái xe không thời hạn và giấy phép lái xe có thời hạn.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu tích hợp giấy phép lái xe, thì đăng ký vào đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc làm thủ tục đổi giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này.

3. Người đã có giấy phép lái xe tích hợp của giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn, nếu có nhu cầu tách giấy phép lái xe thì làm thủ tục tách giấy phép lái xe theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này.

4. Người có giấy phép lái xe chỉ được lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

5. Khi đổi, cấp lại, cấp giấy phép lái xe nâng hạng, cơ quan cấp giấy phép lái xe cắt góc giấy phép lái xe cũ và giao cho người lái xe bảo quản.

6. Giấy phép lái xe phải được mang theo người khi lái xe.

7. Giấy phép lái xe bị tước quyền sử dụng hoặc thu hồi theo quy định của pháp luật.

8. Người có giấy phép lái xe hạng B1 muốn hành nghề lái xe và người có nhu cầu nâng hạng giấy phép lái xe phải dự khóa đào tạo và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe mới.

9. Người có giấy phép lái xe hạng B1 số tự động không được lái loại xe ô tô số cơ khí (số sàn); nếu có nhu cầu lái xe ô tô số cơ khí, phải học bổ sung và sát hạch nội dung thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe hạng B1.

10. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau:

a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

11. Người có giấy phép lái xe hạng FD, FE do ngành Giao thông vận tải cấp lần đầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, nếu có nhu cầu điều khiển xe ô tô tải kéo rơ moóc hoặc xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc được đổi bổ sung hạng FC.

12. Giấy phép lái xe hạng A1, A2 do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995, bằng lái xe và giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp còn giá trị được tiếp tục sử dụng.

13.[55] Giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. hợp lệ là giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền cấp, có số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn in trên giấy phép lái xe trùng với số phôi, ngày cấp, ngày hết hạn trong hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

14.[56] Người tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe hoặc hồ sơ lái xe giả; sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ; có hành vi gian dối khác để được đổi, cấp lại, cấp mới giấy phép lái xe thì giấy phép lái xe đó không có giá trị sử dụng, ngoài việc bị cơ quan quản lý giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe, hồ sơ gốc và cập nhật dữ liệu quản lý trên hệ thống giấy phép lái xe còn phải

---

[55] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[56] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

**Điều 34. Xác minh giấy phép lái xe**

1. Khi tiếp nhận danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp của cơ sở đào tạo và trước khi duyệt danh sách giấy phép lái xe được nâng hạng, đổi, cấp lại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải phải tra cứu và in thông tin về giấy phép lái xe của người xin nâng hạng, đổi, cấp lại giấy phép lái xe từ hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe (bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); trường hợp chưa có thông tin, phải có văn bản đề nghị cơ quan cấp xác minh giấy phép lái xe đã cấp; bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 18a ban hành kèm theo Thông tư này, bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục 18b ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thực hiện xác minh giấy phép lái xe

a) Việc xác minh giấy phép lái xe phải thực hiện ngay qua điện thoại hoặc thư điện tử hoặc fax và sau đó gửi bằng văn bản;

b) Khi chưa có kết quả xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ thì Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải không đổi, không cấp lại hoặc không đưa vào danh sách thí sinh được phép dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe.

3. Thời hạn xác minh

a) Kể từ khi nhận được danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe hoặc hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 38 của Thông tư này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp;

b) Ngay khi nhận được yêu cầu xác minh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải phải trả lời xác minh giấy phép lái xe đã cấp.

**Điều 35. Cấp mới giấy phép lái xe**

1. Người đạt kết quả kỳ sát hạch được cấp giấy phép lái xe đúng hạng đã trúng tuyển; đối với trường hợp nâng hạng hoặc cấp lại do quá thời hạn sử dụng quy

định tại khoản 1 Điều 36 của Thông tư này phải xuất trình bản chính giấy phép lái xe khi đến nhận giấy phép lái xe.

2. Căn cứ quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển.

Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe là ngày ký quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.

3. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**Điều 36. Cấp lại giấy phép lái xe**

1. Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng

a) Từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe;

b) Từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

2. Người có giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, được xét cấp lại giấy phép lái xe.

Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

d) Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải, người lái xe gửi 01 bộ hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu. Sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, thì được cấp lại giấy phép lái xe.

3. Người có giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, phải dự sát hạch lại các nội dung:

a) Quá hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm, phải dự sát hạch lại lý thuyết;

b) Quá hạn sử dụng từ 01 năm trở lên, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành.

Hồ sơ dự sát hạch lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Thông tư này.

4. Cơ quan cấp lại giấy phép lái xe cho các trường hợp bị mất phải gửi thông báo hủy giấy phép lái xe cũ tới các cơ quan liên quan.

5. Ngày trúng tuyển ghi tại mặt sau giấy phép lái xe cấp lại (phục hồi), được tính theo ngày trúng tuyển của giấy phép lái xe cũ.

6. Thời gian cấp lại giấy phép lái xe thực hiện như đối với cấp mới.

7. Người dự sát hạch lại có nhu cầu ôn tập, đăng ký với các cơ sở đào tạo lái xe để được hướng dẫn ôn tập, phải nộp phí ôn tập theo quy định, không phải học lại theo chương trình đào tạo.

8. Người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng, nhưng không còn hồ sơ gốc, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, nếu có nhu cầu được lập lại hồ sơ gốc.

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp giấy phép lái xe). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn.

Cơ quan cấp giấy phép lái xe kiểm tra, xác nhận và đóng dấu, ghi rõ: số, hạng giấy phép lái xe được cấp, ngày sát hạch (nếu có), tên cơ sở đào tạo (nếu có) vào góc trên bên phải đơn đề nghị và trả cho người lái xe tự bảo quản để thay hồ sơ gốc.

**Điều 37. Đổi giấy phép lái xe**

1. Việc đổi giấy phép lái xe bằng giấy bìa sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. được khuyến khích thực hiện trước ngày 31/12/2020.

2. Người có giấy phép lái xe có thời hạn thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; người có giấy phép lái xe bị hỏng còn thời hạn sử dụng được đổi giấy phép lái xe.

3. Người có giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe, nếu đủ sức khỏe theo quy định, được xét đổi giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống.

4. Trường hợp năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên giấy phép lái xe có sai lệch với giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân thì cơ quan quản lý giấy phép lái xe làm thủ tục đổi giấy phép lái xe mới phù hợp với thông tin ghi trong giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

5. Đối tượng được đổi giấy phép lái xe:

a) Người Việt Nam, người nước ngoài được đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam;

b) Người có giấy phép lái xe của ngành giao thông vận tải cấp bị hỏng;

c) Người Việt Nam, người nước ngoài định cư lâu dài ở Việt Nam đã có giấy phép lái xe Việt Nam đổi từ giấy phép lái xe nước ngoài, khi hết hạn nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

d) Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng...), nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

đ) Cán bộ, chiến sĩ công an có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995 còn thời hạn sử dụng, khi ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu, nếu có nhu cầu được đổi giấy phép lái xe;

e) Người có giấy phép lái xe mô tô của ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995 bị hỏng có nhu cầu đổi, có tên trong sổ lưu được xét đổi giấy phép lái xe mới;

g) Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

h) Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;

i) Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe ở Việt Nam được xét đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam.

6. Không đổi giấy phép lái xe đối với các trường hợp sau:

a) Giấy phép lái xe tạm thời của nước ngoài; giấy phép lái xe quốc tế; giấy phép lái xe của nước ngoài, quân sự, công an quá thời hạn sử dụng theo quy định, bị tẩy xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc có sự khác biệt về nhận dạng; giấy phép lái xe nước ngoài không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải nhưng không có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấp phép lái xe (sổ quản lý);

c) Quyết định ra quân tính đến ngày làm thủ tục đổi quá thời hạn 06 tháng đối với giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp;

d) Người không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.

đ)[57] Người Việt Nam có giấy phép lái xe nước ngoài có thời gian lưu trú tại nước ngoài dưới 03 tháng và thời hạn lưu trú không phù hợp với thời gian đào tạo lái xe của nước cấp giấy phép lái xe.

7. Thời hạn sử dụng và hạng xe được phép điều khiển:

a) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho người nước ngoài phù hợp với thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú, phù hợp với thời hạn sử dụng giấy phép lái xe nước ngoài nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam;

b) Thời hạn sử dụng giấy phép lái xe Việt Nam đổi cho khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam phù hợp với thời gian du lịch ở Việt Nam (từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh) nhưng không vượt quá thời hạn quy định của giấy phép lái xe Việt Nam.

Đối với khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam chưa có điều kiện xuất trình hộ chiếu và giấy phép lái xe nước ngoài, khi đổi giấy phép lái xe có thể căn cứ vào danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an và bản dịch giấy phép lái xe (kèm theo bản sao giấy phép lái xe nước ngoài), làm sẵn giấy phép lái xe cho số người đăng ký. Giấy phép lái xe chỉ được cấp cho những người thực sự vào Việt Nam sau khi đối chiếu giấy phép lái xe nước ngoài và hộ chiếu;

c) Giấy phép lái xe quốc gia cấp cho người đổi được điều khiển nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe để điều khiển các hạng xe tương ứng của Việt Nam;

d)[58] Giấy phép lái xe quân sự có hiệu lực được phép lái nhiều hạng xe khác nhau được đổi sang giấy phép lái xe ngành Giao thông vận tải có hiệu lực lái các hạng xe tương ứng; giấy phép lái xe quân sự hạng Fx được đổi sang giấy phép lái xe hạng C do ngành Giao thông vận tải cấp.

---

[57] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[58] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

8. Thời gian đổi giấy phép lái xe:

a) Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

b)[59] Khi đổi giấy phép lái xe, cơ quan cấp giấy phép lái xe lưu trữ hồ sơ đổi giấy phép lái xe (bản chính đối với đổi giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải; bản sao đối với đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài, đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp, đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp giấy phép lái xe; cắt góc giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp), giao cho người lái xe bảo quản.

**Điều 38. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp**

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp hoặc bằng hình thức kê khai trực tuyến đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ các đối tượng sau:

a) Người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

b) Người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn.

3. Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

**Điều 39. Thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp**

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

---

[59] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

1. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

3. Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

4.[60] Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

Hồ sơ đổi giấy phép lái xe quân sự là hồ sơ gốc gồm các tài liệu ghi ở khoản 1 và khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe quân sự đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

**Điều 40. Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp**

1. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

---

[60] Đoạn đầu của khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

b)[61] Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh;

c) Hồ sơ gốc (nếu có);

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:

Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền;

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

d)[62] Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh.

---

[61] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[62] Đoạn đầu của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

Hồ sơ đổi giấy phép lái xe Công an là hồ sơ gốc, gồm tài liệu ghi ở điểm a và điểm b khoản 2 Điều này và giấy phép lái xe công an đã được cắt góc, giao cho người lái xe tự bảo quản.

**Điều 41. Thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài**

1. Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (nơi đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Thông tư này, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này);

b)[63] Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an,

---

[63] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

2. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do cơ quan đổi giấy phép lái xe giao cho người lái xe quản lý là hồ sơ gốc, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và giấy phép lái xe nước ngoài.

3. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe của người nước ngoài không định cư lâu dài tại Việt Nam do cơ quan đổi giấy phép lái xe lưu trữ 01 năm, gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 42. Hồ sơ đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam**

1.[64] Người lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

c) Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

---

[64] Đoạn đầu của khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

d) 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

2. Cơ quan quản lý cấp giấy phép lái xe phải ghi vào hồ sơ quản lý là giấy phép lái xe đổi 01 (một) lần.

## Phần IV
## ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH ĐỐI VỚI MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC THÙ

### Điều 43. Đào tạo lái xe[65]

1. Đào tạo đối với người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật để cấp giấy phép lái xe hạng A1

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, được tự học lý thuyết và thực hành; trường hợp có nhu cầu học tập trung đăng ký với cơ sở đào tạo để được học theo nội dung, chương trình quy định;

b) Xe dùng để dạy lái: Là xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số.

2. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý

[65] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo, được thay nội dung học lái xe trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông bằng nội dung học trên xe tập lái;

b) Xe dùng để dạy lái: Là xe ô tô hạng B1 số tự động của người khuyết tật hoặc cơ sở đào tạo; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.

3. Đào tạo để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái:

a) Người học phải có đủ điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Thông tư này, phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo được phép đào tạo, phải học đủ thời gian, nội dung chương trình đào tạo theo quy định, được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải được kiểm tra, cấp chứng chỉ đào tạo;

b) Xe dùng để dạy lái: Xe ô tô tập lái hạng B1 số tự động của cơ sở đào tạo.

4. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 đối với đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt: Sở Giao thông vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành hình thức đào tạo phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

**Điều 44. Sát hạch lái xe**[66]

1. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật

---

[66] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

a) Người dự sát hạch, thực hiện sát hạch lái xe trong hình theo nội dung và quy trình sát hạch tại trung tâm sát hạch hoặc sân sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên chấm điểm trực tiếp; thực hiện sát hạch lý thuyết theo quy định sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe mô tô ba bánh của người khuyết tật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số;

c) Hình sát hạch dựng theo quy định tại điểm 2.2.1.10 mục 2.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2015/BGTVT về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch theo quy định tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện, có hai sát hạch viên ngồi trên xe chấm điểm trực tiếp nội dung sát hạch lái xe trong hình và trên đường;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng ô tô hạng B1 số tự động của người khuyết tật hoặc của trung tâm sát hạch; xe phải có kết cấu phù hợp để các tay và chân còn lại của người khuyết tật vừa giữ được vô lăng lái, vừa dễ dàng điều khiển cần gạt tín hiệu báo rẽ, đèn chiếu sáng, cần gạt mưa, cần số, cần phanh tay, bàn đạp phanh chân, bàn đạp ga trong mọi tình huống khi lái xe theo đúng chức năng thiết kế của nhà sản xuất ô tô, được Cục Đăng kiểm Việt Nam xác nhận hệ thống điều khiển của xe phù hợp để người khuyết tật lái xe an toàn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái.

3. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái

a) Người dự sát hạch phải có đủ hồ sơ, thực hiện đủ nội dung và quy trình sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng B1 số tự động tại trung tâm sát hạch có đủ điều kiện;

b) Xe dùng để sát hạch: Sử dụng xe sát hạch hạng B1 số tự động có đủ điều kiện của trung tâm sát hạch làm xe sát hạch lái xe trong hình và trên đường.

4. Sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, hạng A4 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt do Sở Giao thông vận tải căn cứ nội dung và quy trình sát hạch đã được ban hành, xây dựng nội dung và phương án tổ chức sát hạch phù hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

## Phần V
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 45. Báo cáo về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe[67]**

Hàng tháng, Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo kết quả các kỳ sát hạch về Tổng cục Đường bộ Việt Nam qua Hệ thống thông tin giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư này; hàng năm, Sở Giao thông vận tải gửi báo cáo sơ kết công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ vào tháng 7, tổng kết vào tháng 01 năm sau về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 46. Kiểm tra, thanh tra**

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe trong phạm vi cả nước.

2. Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác đào tạo, sát hạch lái xe đối với các cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch do Sở Giao thông vận tải quản lý.

3. Việc kiểm tra, thanh tra công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật.

**Điều 47. Điều khoản chuyển tiếp[68]**

---

[67] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

[68] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

1. Giấy phép đào tạo lái xe A1, A2, A3, A4 đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực, có giá trị theo thời hạn ghi trên giấy phép; khi giấy phép hết hạn cơ sở đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3, A4 thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này.

2. Các cơ sở đào tạo ứng dụng công nghệ để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô (trừ hạng B1) từ ngày 01 tháng 5 năm 2020; tổ chức đào tạo về phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe ô tô từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; trang bị ca bin học lái xe ô tô, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên sau 06 tháng kể từ ngày Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có hiệu lực thi hành. Trong thời gian chưa tổ chức đào tạo về phòng, chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông, thời gian đào tạo môn học đạo đức, văn hóa giao thông bao gồm thời gian đào tạo nội dung phòng, chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông; trong thời gian chưa sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông và ca bin học lái xe ô tô, cơ sở đào tạo lái xe xây dựng chương trình, giáo trình và tổ chức giảng dạy đảm bảo đủ thời gian đào tạo theo chương trình quy định tại Điều 13, Điều 14 của Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Số giờ học kỹ thuật lái xe của học viên học lái xe hạng B1, B2, C bao gồm cả thời gian học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;

b) Số giờ học môn đạo đức và văn hóa giao thông của học viên học lái xe nâng hạng bao gồm cả thời gian học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông;

c) Số giờ học thực hành lái xe trên 01 xe tập lái, gồm cả thời gian học lái xe trên ca bin học lái xe ô tô.

3. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm ban hành nội dung giảng dạy về phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước trước ngày 01 tháng 12 năm 2019.

4. Trung tâm sát hạch lái xe lắp camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình và truyền dữ liệu về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải từ ngày 01 tháng 01 năm 2020; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để sát hạch lái xe từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

5. Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để sát hạch lái xe từ ngày 01 tháng 5 năm 2021;

6. Giấy phép lái xe được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư này có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe, thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2020. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe.

**Điều 48. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành**[69]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017, thay thế Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

---

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: 20/VBHN-BGTVT

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2019*
**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Lê Đình Thọ**

---

[69] Điều 2 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 quy định như sau:

***"Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành***

*1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.*

*2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."*

**Phụ lục 1a**
**MẪU PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE**

<table>
<tr><td colspan="2">TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN<br>TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</td></tr>
<tr><td>Ảnh màu<br>3 cm x 4 cm<br>(có dấu giáp lai)</td><td>GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE<br>NGUYỄN VĂN A<br><br>Dạy lái xe hạng:</td></tr>
</table>

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;

- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;

- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phông chữ Times New Roman in hoa, cỡ chữ 10;

- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);

- Phía dưới bên phải ghi:

+ Dòng chữ GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13;

+ Họ tên giáo viên - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;

+ Hạng giấy phép lái xe dạy lái - phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

**Phụ lục 1b**

**MẪU PHÙ HIỆU HỌC VIÊN TẬP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**PHÙ HIỆU HỌC VIÊN TẬP LÁI XE**

<table>
<tr><td colspan="2">TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN<br>TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO</td></tr>
<tr><td>Ảnh màu<br>3 cm x 4 cm<br>(chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai</td><td>HỌC VIÊN TẬP LÁI XE<br>NGUYỄN VĂN B<br><br>Tập lái xe hạng: B2</td></tr>
</table>

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;

- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;

- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, cỡ chữ 10;

- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);

- Phía dưới bên phải ghi:

+ Dòng HỌC VIÊN TẬP LÁI XE - phông chữ Times New Roman, in hoa đứng, đậm, cỡ chữ 13;

+ Họ tên học viên - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;

+ Hạng giấy phép lái xe học lái - phông chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

**Phụ lục 2**
**MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A2**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN**<br>**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../ | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A2**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số..... ngày...../...../..... do Sở Giao thông vận tải cấp, Trường (Trung tâm)..... đã tổ chức khóa đào tạo để sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng....., với danh sách học viên kèm theo.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải..... chấp thuận và tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho các học viên hoàn thành khóa đào tạo.

**DANH SÁCH HỌC VIÊN**

| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nơi cư trú | Hạng giấy phép lái xe | Ngày khai giảng | Ngày bế giảng | Ngày sát hạch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| | Xếp tên theo vần A, B, C | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Lưu: | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 3a**
**MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN**<br>**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../ | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số:..... ngày...../...../..... do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....) cấp, Trường (Trung tâm)..... đã tổ chức xét tuyển học viên và khai giảng các lớp như sau:

| Số TT | Khóa - Lớp | Hạng giấy phép lái xe | Số lượng học viên | Ngày khai giảng | Ngày bế giảng | Ngày đăng ký sát hạch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hệ đào tạo mới | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | Hệ đào tạo nâng hạng | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

*(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)*

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải)..... chấp nhận kế hoạch sát hạch cho học viên các lớp như lịch đề nghị.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Lưu:..... | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 3b**

**MẪU DANH SÁCH HỌC VIÊN (BÁO CÁO 1)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

Số:...../

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN**

Học lái xe hạng:..... Khóa:.....
*(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)*

**BÁO CÁO 1**

Thời gian đào tạo:..... tháng
Khai giảng ngày..... tháng..... năm 20.....
Bế giảng ngày..... tháng..... năm 20.....

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có giấy phép lái xe hạng | Thâm niên lái xe | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Số năm lái xe | Số km lái xe an toàn | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 3c**

**MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP**

Học lái xe hạng:..... Khóa:.....

*(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)*

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu) | Nơi thường trú | Nơi cư trú | Đã có giấy phép lái xe | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Hạng | Số | Ngày tháng năm cấp | Cơ quan cấp |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* |
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 4**

**MẪU KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN**<br>**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

## KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Khóa:..... Hạng:.....

Thời gian đào tạo:..... tháng (từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....)

I. Phân phối giờ học

| STT | Môn học | Tổng số (giờ) | Lý thuyết (giờ) | | Thực hành trong hình (giờ) | Thực hành trên đường (giờ) | Kiểm tra cuối khóa (giờ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | LT | TH | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

II. Lịch học toàn khóa

| Tháng / Tuần / Phân giai đoạn / Từ ngày đến | 10 | | | | 11 | | | | 12 | | | | .... | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | ... |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Lý thuyết | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thực hành trong hình | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thực hành trên đường | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thi, kiểm tra | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dự phòng | | | | | | | | | | | | | | | | |

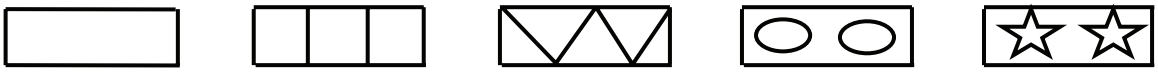

Lý thuyết Thực hành Thi, kiểm tra Nghỉ Dự phòng

III. Danh sách giáo viên, xe tập lái tham gia đào tạo

1. Danh sách giáo viên dạy lý thuyết

.....

.....

.....

2. Thực hành lái xe

| Số TT | Số đăng ký xe | Giáo viên | Số học viên phân theo xe | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
*(Ký tên, đóng dấu)*

## Phụ lục 5
## MẪU TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

### TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ CÁC HẠNG

| Số TT | Khóa - lớp | Giáo viên dạy | Số lượng học sinh | 1 - 2018 | | | | 2 - 2018 | | | | 3 - 2018 | | | | ... | | | | | Số học sinh tốt nghiệp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *1* | *2* | *3* | *4* | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | *51* | *52* | | |
| | | | | 3<br>8 | 10<br>15 | 17<br>22 | 24<br>29 | 31/1<br>5/2 | 7<br>12 | 14<br>19 | 21<br>26 | 28<br>3/3 | | | | | | | | | | |
| Ví dụ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khóa 16 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | - 16$B_1$ xe con | Vũ Văn A | 80 | T | T | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | - 16$B_2$ xe con | | 100 | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | - 16C xe tải | | 120 | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khóa 17 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | - 17$B_2$ xe con | | 120 | H | H | T | T | T | T | T | Đ | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | |
| 5 | - 17C xe tải | | 100 | H | H | H | H | H | T | T | T | T | Đ | Đ | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Khóa 17: Nâng hạng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | - 16$B_2$ lên C | | 20 | H | T | Đ | Đ | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | - 17C lên E | | 30 | H | H | T | T | T | Đ | Đ | Đ | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*Ghi chú:* theo hàng ngang biết được độ dài thời gian đào tạo từng lớp/khóa, cộng số học sinh theo cột dọc có tổng số học sinh hiện có (lưu lượng đào tạo).

Ký hiệu:
- H: Học lý thuyết (nếu tô màu thì tô ô xanh).
- T: Tập lái xe trong hình (nếu tô màu thì tô ô vàng).
- Đ: Tập lái xe trên đường (nếu tô màu thì tô ô vàng).
- •: Thi tốt nghiệp (nếu tô màu thì tô ô đỏ).

**NGƯỜI LẬP**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 6**
**MẪU SỔ THEO DÕI THỰC HÀNH LÁI XE**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
**TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

# SỔ THEO DÕI THỰC HÀNH LÁI XE

Họ và tên giáo viên:.....
Biển số xe tập lái:.....
Khóa:.....

Khóa:..... Hạng xe.....
Từ ngày:..... đến ngày.....

## DANH SÁCH HỌC VIÊN

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi cư trú | Số km thực hành | Điểm thi kiểm tra cuối khóa | Học viên ký tên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

| Ngày tháng | Nội dung bài giảng | Địa điểm | Số giờ học thực hành | Số km thực hành | Họ tên học viên vắng mặt | | Số nhiên liệu sử dụng | Chữ ký | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Có lý do | Không có lý do | | Giáo viên | Trưởng ban nghề |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

**Nhận xét của giáo viên**
(về kiến thức, kỹ năng, thái độ, nội dung khác)

**Phụ lục 7**
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

| Ảnh màu 3 cm x 4 cm chụp không quá 06 tháng |
|---|

Kính gửi:.....

Tôi là:..... Quốc tịch.....

Sinh ngày...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):..... Cấp ngày...../...../....., Nơi cấp:.....

Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng.....

do:..... cấp ngày:...../...../.....

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:.....

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Phụ lục 8**
**MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**
**THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:.....

Nơi cư trú:.....

.....

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số:.....

Cấp ngày:...../...../....., nơi cấp:.....

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:....., hạng.....

do:..... cấp ngày:...../...../.....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có..... năm lái xe và có..... km lái xe an toàn.

Đề nghị..... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng.....

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**NGƯỜI KHAI**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Phụ lục 9**

**MẪU SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

## SỔ THEO DÕI CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy phép xe tập lái | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số giấy phép | Ngày cấp | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 10**

**MẪU BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE A1, A2, A3, A4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN**<br>**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO LÁI XE A1, A2, A3, A4**

## I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày...../...../..... của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

## II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm..... loại xe (xe mô tô, xe A4) theo văn bản số..... ngày...../...../..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích ($m^2$), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....
- Số giáo lượng viên dạy thực hành:.....

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Đơn vị công tác | Hình thức tuyển dụng | | Trình độ | | | Hạng giấy phép lái xe | Ngày trúng tuyển | Thâm niên dạy lái | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Biên chế | Hợp đồng (thời hạn) | Văn hóa | Chuyên môn | Sư phạm | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1 | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- *Chủng loại:*
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| .... | | | | | | | |

7. Sân tập lái có diện tích:..... $m^2$.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung:

.....

.....

9. Đăng ký đào tạo:

- Hạng:.....

- Lưu lượng:.....(đối với hạng A3, A4).

10. Thời gian đào tạo: từ ngày.....

| | |
|---|---|
| **XÁC NHẬN**<br>**CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**<br>**(GIÁM ĐỐC)**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* | **HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 11a**
**MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN CHỦ QUẢN**<br>**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../ | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tiếp theo công văn số..... ngày...../...../.....
Trường (Trung tâm)..... đã có báo cáo khai giảng và đăng ký sát hạch các lớp đào tạo lái xe Khóa..... với Tổng cục (Sở), nay Khóa học đã hoàn thành chương trình học tập và xin tổ chức sát hạch, cụ thể:

| Số TT | Khóa - Lớp | Hạng giấy phép lái xe | Số học viên vào học | Số học viên dự sát hạch | Ngày sát hạch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hệ đào tạo mới | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | Hệ đào tạo nâng hạng | | | | | |

*(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)*

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khóa - lớp trên.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Lưu: | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 11b**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH (BÁO CÁO 2)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH**
Cấp giấy phép lái xe hạng:.....
Khóa:.....
*(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)*

**BÁO CÁO 2**
Thời gian đào tạo:..... tháng
Khai giảng ngày..... tháng..... năm.....
Bế giảng ngày..... tháng..... năm.....

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số CMND | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có giấy phép lái xe hạng | Thâm niên lái xe | | Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Số năm lái xe | Số km lái xe an toàn | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* |
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 11c**

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE**

Hôm nay, vào hồi..... giờ, ngày...../...../....., tại Cơ quan quản lý sát hạch....., Tổ kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo....., gồm:

1. Ông (Bà)....., Chuyên viên.
2. Ông (Bà)....., Chuyên viên.
3. Ông (Bà)....., Đại diện cơ sở đào tạo.

Sau khi đối chiếu báo cáo số 1, báo cáo số 2 và kiểm tra hồ sơ của các thí sinh dự sát hạch.

**KẾT QUẢ**

Tổng số hồ sơ xin dự sát hạch:.....

Số hồ sơ xét hợp lệ:....., trong đó:

- Số thi mới:..... - Số hồ sơ thi lại và vắng:.....

*(Theo bảng phân loại dưới đây)*

| Khóa học | A1 | A2 | A3 | A4 | B1 | B2 | C | D | E | F | Tổng số |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| Số hồ sơ hợp lệ | | | | | | | | | | | |

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch hợp lệ được sát hạch (có danh sách kèm theo).

Số hồ sơ không hợp lệ:....., được phân theo các lý do (theo bảng dưới đây).

| Hạng/Lý do | A1 | A2 | A3 | A4 | B1 | B2 | C | D | E | F |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Không có trong danh sách báo cáo 1 | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Đơn đề nghị dự sát hạch không đúng | | | | | | | | | | |
| Chưa đủ thời gian đào tạo | | | | | | | | | | |
| Chưa đủ thâm niên nâng hạng | | | | | | | | | | |
| Chưa đủ hoặc hết hạn tuổi | | | | | | | | | | |
| Sai lệch với chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân | | | | | | | | | | |
| Giấy chứng nhận sức khỏe không đúng | | | | | | | | | | |
| Giấy phép lái xe hết hạn, không có hồ sơ | | | | | | | | | | |

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch không hợp lệ (có danh sách kèm theo).

Tổ kiểm tra lập biên bản này báo cáo Cơ quan quản lý sát hạch cho số thí sinh có hồ sơ hợp lệ trên được dự sát hạch.

**CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Phụ lục 12a**
**MẪU QUYẾT ĐỊNH TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| BỘ GTVT (UBND TỈNH...)<br>**TỔNG CỤC ĐBVN (SỞ GTVT)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:..... | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**
**(GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...)**

Căn cứ Quyết định số..... ngày...../...../..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải);

Căn cứ khoản..... Điều..... Thông tư số...../...../TT-BGTVT ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của:.....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe..... cho thí sinh khóa..... của Trường (Trung tâm).....

Tổng số..... thí sinh, gồm các hạng B1:.....thí sinh, B2:..... thí sinh v.v... (Danh sách thí sinh dự thi các hạng kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành từ ngày...../...../..... tại Trung tâm sát hạch lái xe:.....

**Điều 2.** Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông (Bà):..... Chức vụ công tác.....

2. Các Ủy viên:

- Ông (Bà):..... Giám đốc Trung tâm sát hạch lái xe.....;

- Ông (Bà):..... Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở đào tạo.....;
- Ông (Bà):..... Tổ trưởng Tổ sát hạch;
- Ông (Bà):..... Ủy viên thư ký.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

**Điều 3.** Thành lập Tổ sát hạch gồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông (Bà):..... Tổ trưởng; 3. Ông (Bà):..... Sát hạch viên;
2. Ông (Bà):..... Sát hạch viên; 4.....

Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do Tổ trưởng sát hạch phân công.

**Điều 4.** Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều..... Thông tư số...../...../TT-BGTVT ngày...../..../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Kết thúc kỳ sát hạch, lập xong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch tự giải thể.

**Điều 5.** Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch, Thủ trưởng cơ sở đào tạo, Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2, 3 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 5;
- Lưu:

**TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 12b**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE CÁC HẠNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE HẠNG.....**

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hộ chiếu) | Nơi cư trú | Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ | Đã có giấy phép lái xe | | | Số chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Hạng | Thâm niên hành nghề | | | |
| | | | | | | | Năm hành nghề | Số km lái xe an toàn | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* |
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 12c**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hộ chiếu) | Nơi cư trú | Hạng giấy phép lái xe | Số giấy phép lái xe | Cơ quan quản lý giấy phép lái xe | Ngày hết hạn GPLX | Lý do sát hạch | Nội dung sát hạch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 13**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**TỔNG CỤC ĐBVN (SỞ GTVT...)**
**VỤ (PHÒNG) QLPT&NL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LẠI ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Vụ (Phòng) Quản lý PT&NL đề nghị Lãnh đạo Tổng cục (Sở) chấp thuận để các thí sinh có tên dưới đây được dự sát hạch cùng với kỳ sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo..... tổ chức ngày...../...../.....

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hộ chiếu) | Nơi cư trú | Hạng giấy phép lái xe | Số giấy phép lái xe | Cơ quan quản lý giấy phép lái xe | Ngày hết hạn | Lý do sát hạch | Nội dung sát hạch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên xếp theo vần A, B, C... | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

**NGƯỜI LẬP**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**
**VỤ TRƯỞNG (TRƯỞNG BAN.....)**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 14**
**MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Mặt trước:

**BỘ GTVT**
**TỔNG CỤC ĐBVN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THẺ SÁT HẠCH VIÊN**
**Số: xxxxx**

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không quá 06 tháng)

Họ và tên:.....
Ngày sinh:.....
Cơ quan quản lý:.....

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Được sát hạch hạng | x | x | x | x | x | x | x |

Ngày cấp: xx/xx/xxxx
Có giá trị đến: xx/xx/xxxx

(Chữ ký và dấu của cơ quan quản lý)

2. Mặt sau:

Ghi chú:
- Được phép sát hạch lý thuyết và thực hành theo hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.
- Chỉ được sử dụng khi Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ.
- Khi sát hạch phải mang theo Thẻ sát hạch viên.
- Thẻ sát hạch viên không có giá trị thay giấy phép lái xe.
- Không cho người khác mượn Thẻ sát hạch viên
- Mất Thẻ sát hạch viên phải báo ngay cho Sở Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3. Quy cách:

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm.

- Tiêu đề "THẺ SÁT HẠCH VIÊN ", chữ "Số" và tên hạng được sát hạch có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

- Ảnh của sát hạch viên được in trực tiếp trên thẻ sát hạch viên.

- Phôi được làm bằng vật liệu PVC hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có logo Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các ký hiệu bảo mật.

**Phụ lục 15a**

**MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

| Ảnh màu 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng) |
|---|

Họ và tên thí sinh:..... Nam (Nữ) .....
Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch: .....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Nơi cư trú:.....
Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):...., cấp ngày...../...../..... tại .....
Thi lấy giấy phép lái xe:..... Hạng: .....
Học lái xe tại cơ sở đào tạo:.....

*....., ngày..... tháng..... năm.....*
Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

### A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần thứ 1: Ngày..... tháng..... năm.....

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|---|---|---|
| | | |
| Thí sinh ký tên: | | |

### B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Lần thứ 1: Ngày..... tháng..... năm.....

| | | | |
|---|---|---|---|
| Sát hạch lái xe trong hình<br>Ngày sát hạch: | Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
| | | | |
| | Thí sinh ký tên | | |
| Sát hạch lái xe trên đường<br>Ngày sát hạch: | Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
| | | | |
| | Thí sinh ký tên | | |

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng..... Đạt ☐ Không đạt ☐

**TỔ TRƯỞNG**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT**

Lần thứ 2: Ngày..... tháng..... năm.....

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|---|---|---|
| | | |
| Thí sinh ký tên | | |

**B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE**

Lần thứ 2: Ngày..... tháng..... năm.....

| | | | |
|---|---|---|---|
| Sát hạch lái xe trong hình<br>Ngày sát hạch: | Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
| | | | |
| | Thí sinh ký tên | | |
| Sát hạch lái xe trên đường<br>Ngày sát hạch: | Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
| | | | |
| | Thí sinh ký tên | | |

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng..... Đạt ☐ Không đạt ☐
**TỔ TRƯỞNG**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 15b**[70]

**MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

| **Ảnh chân dung nền xanh da trời 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)** |
|---|

Họ và tên thí sinh:..... Nam (Nữ).....
Sinh ngày...../...../..... Quốc tịch:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Nơi cư trú:.....
Số giấy CMND (hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu):
....., ngày...../...../..... tại:.....
Thi lấy giấy phép lái xe..... hạng:.....
Học lái xe tại cơ sở đào tạo.....

*....., ngày..... tháng..... năm.....*
*(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)*

### I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|---|---|---|
| | | |

### II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH TRÊN THIẾT BỊ MÔ PHỎNG

| Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|---|---|---|
| | | |

### III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

| Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình | Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|---|---|---|---|
| | | | |

[70] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục 5 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

**IV. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

| Sát hạch kỹ năng lái xe trên đường | Số điểm tối đa | Số điểm đạt được | Sát hạch viên nhận xét và ký tên |
|---|---|---|---|
| | | | |

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng..... Đạt ☐ Không đạt ☐
**TỔ TRƯỞNG**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**
**CHỦ TỊCH**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 16a**
**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN KỲ SÁT HẠCH**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **BỘ GTVT (UBND TỈNH...)**<br>**TCĐBVN (SỞ GTVT...)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:..... | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**
**(GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI)**

Căn cứ Quyết định số..... ngày...../...../..... của..... về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....);

Căn cứ Thông tư số...../...../TT-BGTVT ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng (Trưởng Phòng):.....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch cho..... học viên lái xe (ô tô, mô tô) của cơ sở đào tạo lái xe....., sát hạch từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../..... được cấp giấy phép lái xe, gồm:

*(Ghi rõ số lượng thí sinh từng hạng có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo).*

**Điều 2.** Các Ông (Bà): Vụ trưởng (Trưởng Phòng.....) thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...), Thủ trưởng cơ sở đào tạo, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như Điều 2;<br>- Lưu: VT, BQLSH. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 16b**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu) | Nơi cư trú | Đã có giấy phép lái xe | | Lớp, Khóa | Hạng giấy phép lái xe được cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Hạng | Ngày trúng tuyển | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

# Phụ lục 17[71]
# MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Mặt trước:

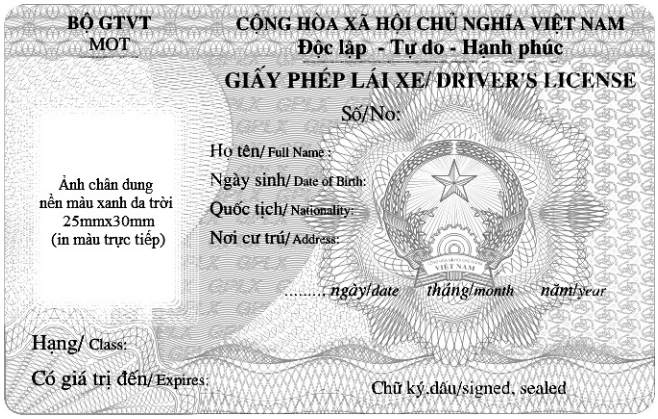


2. Mặt sau:

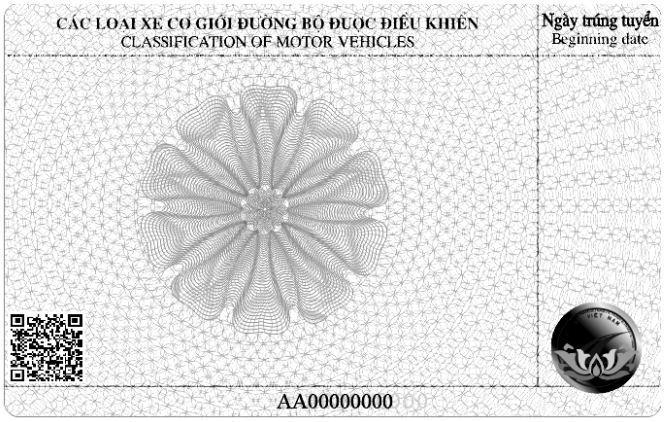


a) In từng hạng giấy phép lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

b) Đối với hạng giấy phép lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.

c) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

---

[71] Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục 6 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái."

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.".

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.".

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

"Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).".

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép lái xe.

**Phụ lục 18a**

**MẪU BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **BỘ GTVT (UBND TỈNH...)**<br>**TCĐBVN (SỞ GTVT...)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../ | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải....)

Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....) đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên:..... Quốc tịch:....., Nam (Nữ).....

Sinh ngày...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):.....cấp ngày...../...../....., nơi cấp.....

Đã học lái xe tại:..... năm.....

Hiện có giấy phép lái xe hạng:....., số:....., do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) cấp ngày...../...../.....

| | |
|---|---|
| **CÁN BỘ ĐỀ NGHỊ XÁC MINH**<br>*(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **THỦ TRƯỞNG**<br>**CƠ QUAN QUẢN LÝ GPLX**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 18b**

**MẪU BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| | |
|---|---|
| **BỘ GTVT (UBND TỈNH...)**<br>**TCĐBVN (SỞ GTVT...)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:...../ | *....., ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) trả lời xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên:..... Quốc tịch....., Nam (Nữ).....

Sinh ngày...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu):.....cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại..... năm.....

Hiện có giấy phép lái xe hạng:....., số:....., do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) cấp ngày...../...../.....

**KẾT QUẢ XÁC MINH**

1. Các thông tin có trong Hồ sơ quản lý sát hạch:

Tên của người lái xe ☐; Ngày tháng năm sinh ☐; Nơi thường trú ☐

Nơi cư trú ☐; Số giấy CMND (hoặc hộ chiếu) ☐; Ngày cấp ☐; Nơi cấp ☐; Tên cơ sở đào tạo ☐

GPLX hạng ☐; Số GPLX ☐; Cơ quan cấp ☐; Ngày tháng năm ☐

2. Kiến nghị, đề xuất:

Đổi ☐. Cấp lại ☐. Đưa vào danh sách dự sát hạch lại ☐

| | |
|---|---|
| **CÁN BỘ XÁC MINH**<br>*(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **THỦ TRƯỞNG**<br>**CƠ QUAN QUẢN LÝ GPLX**<br>*(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục 19**
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE** *(1)*

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:..... Quốc tịch:.....
Sinh ngày...../...../..... Nam, Nữ:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
.....
Nơi cư trú:.....
Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.....
..... cấp ngày...../...../.....
Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:..... năm.....
Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:..... số:.....
do:..... cấp ngày...../...../.....
Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....
Lý do:.....
Xin gửi kèm theo:
- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2)*.

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*Ghi chú:*
*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*
*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**Phụ lục 20**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**
**APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE**
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)
Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Quốc tịch (Nationality):.....
Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....
Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....
Số hộ chiếu (Passport No.):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month)..... năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);
- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

*....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....*
**NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*
*(Signature and Full name)*

**Phụ lục 21**

**MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP CẤP, ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**
**(SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

**BÁO CÁO TỔNG HỢP CẤP, ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE**

năm.....

| Hạng giấy phép lái xe | Người Việt Nam | | Người nước ngoài | | Tổng số | Xác minh giấy phép lái xe | | Ấn chỉ giấy phép lái xe bị hỏng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Cấp cho thí sinh thi mới | Đổi, cấp lại cho người đã có giấy phép lái xe | Cấp cho thí sinh thi mới | Đổi, cấp lại cho người đã có giấy phép lái xe | | Số lượng đề nghị xác minh | Số lượng xác minh | | |
| A1 | | | | | | | | | |
| A2 | | | | | | | | | |
| A3 | | | | | | | | | |
| A4 | | | | | | | | | |
| B1 | | | | | | | | | |
| B2 | | | | | | | | | |
| C | | | | | | | | | |
| D | | | | | | | | | |
| E | | | | | | | | | |
| F... | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | |

Số ấn chỉ hỏng: AA123456, AA123457.....

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**TỔNG CỤC TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC SỞ)**
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 22**[72]

**MẪU TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Vị trí:

- Hai bên cửa xe đối với xe ô tô hạng B1, B2;
- Hai bên thành xe đối với xe ô tô các hạng C, D, E;
- Hai bên cửa của xe đầu kéo đối với xe ô tô hạng F.

2. Kiểu chữ: Times New Roman in hoa.

3. Kích thước chữ

a) Đối với xe ô tô tập lái hạng B1, B2 và F:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 3 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 4 cm.

b) Đối với xe ô tô tập lái hạng C, D, E:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 4 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 5 cm.

---

[72] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm a khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

**Phụ lục 23**[73]

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TẬP HUẤN**
**NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**1. Thời gian tập huấn:** 05 ngày

Trong đó:

- Khai giảng: 0,25 ngày
- Kiểm tra đánh giá: 0,5 ngày
- Bế giảng: 0,25 ngày
- Thực học: 4 ngày

**2. Danh mục các môn học bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian**

| TT | Tên môn học | Thời gian của môn (giờ) | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số giờ | Trong đó | | |
| | | | Lý Thuyết | Thực hành | Kiểm tra |
| 1 | Văn bản quy phạm pháp luật về dạy nghề | 6 | 4 | | 2 |
| 3 | Giao tiếp sư phạm | 4 | 4 | | |
| 5 | Soạn giáo án và trình giảng các môn học lý thuyết và thực hành lái xe ô tô theo phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng đào tạo (Cập nhật kiến thức mới và kỹ năng xử lý tình huống lái xe an toàn) | 22 | 4 | 16 | 2 |
| 6 | Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại trong đào tạo nghề và kiến thức mới | 4 | 2 | 2 | |
| | **Tổng cộng** | **36** | **14** | **16** | **4** |

[73] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm b khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

**Phụ lục 24**[74]

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

| **Ảnh màu 3 x 4 cm không chụp quá 6 tháng (đóng dấu giáp lai)** |
|---|

UBND xã, phường, thị trấn:.....

**XÁC NHẬN:**

Ông (Bà)..... Nam (nữ).....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Quốc tịch..... Dân tộc.....

Nơi cư trú.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu..... cấp ngày..... Nơi cấp.....

Là người không biết đọc, viết tiếng Việt.

Đề nghị cho Ông (Bà)..... được học, dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe hạng A1./.

*....., ngày..... tháng... năm.....*

**NGƯỜI HỌC, SÁT HẠCH LÁI XE**
*(Ký và ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

[74] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm c khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

**Phụ lục 25**[75]

**MẪU TRANG PHỤC CỦA SÁT HẠCH VIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

## I. QUY CÁCH, MẦU SẮC TRANG PHỤC NAM

### 1.ÁO VEST NAM - QUẦN TÂY NAM

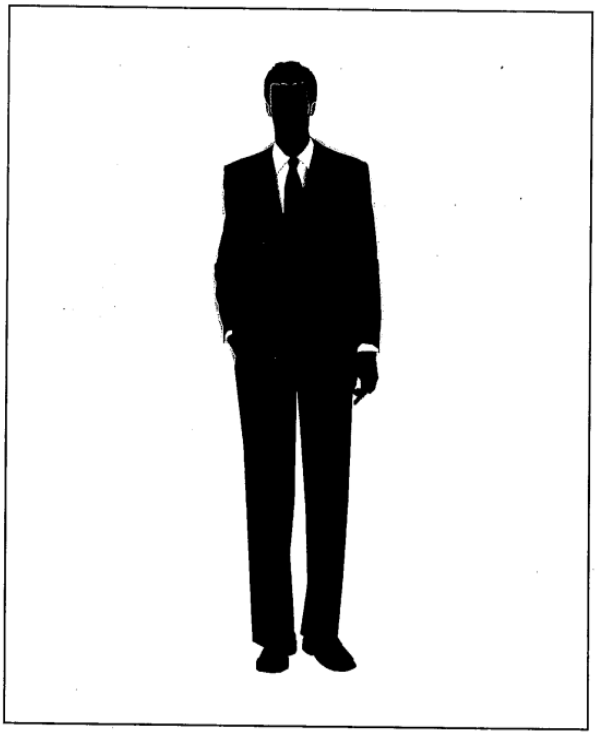

a) Áo veston

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Kiểu 2 lớp, cổ 2 ve, 2 nút cài; thân trước có bổ 02 túi phía dưới có nắp, 01 túi áo ngực bên trái; 04 nút tay áo; thân sau có sống lưng xẻ dưới được bổ mảnh dọc theo thân; cúc nhựa hợp với mầu áo.

b) Quần

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Quần âu kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau có một túi hậu cài khuy. Cửa quần may khóa kéo; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong.

---

[75] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm d khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

## 2. ÁO SƠ MI DÀI TAY THU - ĐÔNG

Chất liệu: Vải pôpơlin;

Màu sắc: Trắng;

Kiểu dáng: Áo cổ cài (đứng); nẹp bong, tay măng sét có hai cúc; có cúc nhựa cùng màu; gấu áo bằng, có một túi bên trái, bị túi đáy hơi lượn tròn, miệng túi may một đường 30mm, thân sau cầu vai.

### 3. ÁO SƠ MI NGẮN TAY XUÂN - HÈ

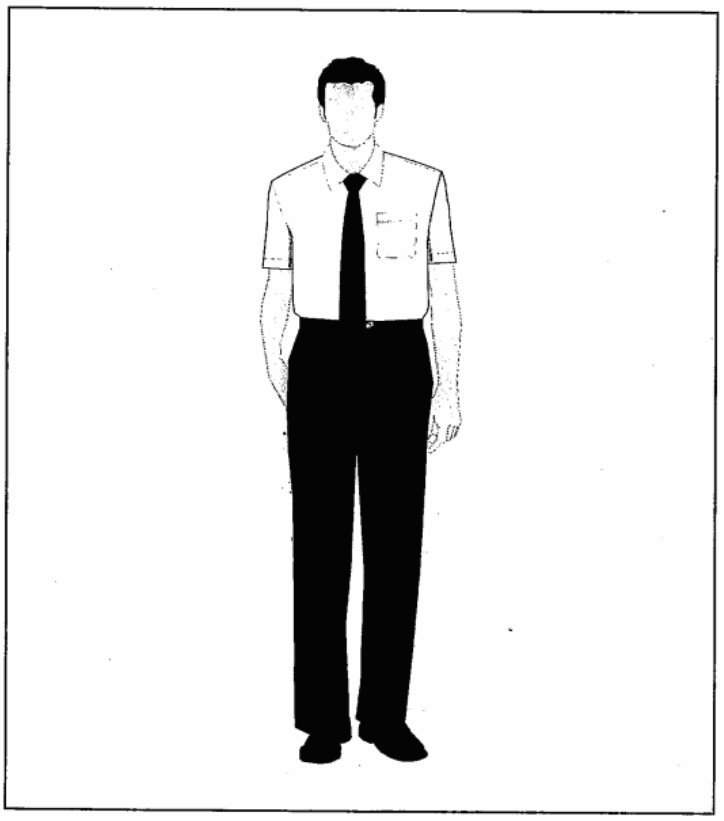

Chất liệu: Vải pôpơlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Áo cổ cài (đứng); nẹp bong tay áo, chiều dài tay áo cách khủy tay 2 cm; có cúc nhựa cùng màu; gấu áo bằng, có một túi bên trái, miệng túi may một đường 30mm, thân sau cầu vai.

## 4. GIẦY DA NAM CÓ DÂY

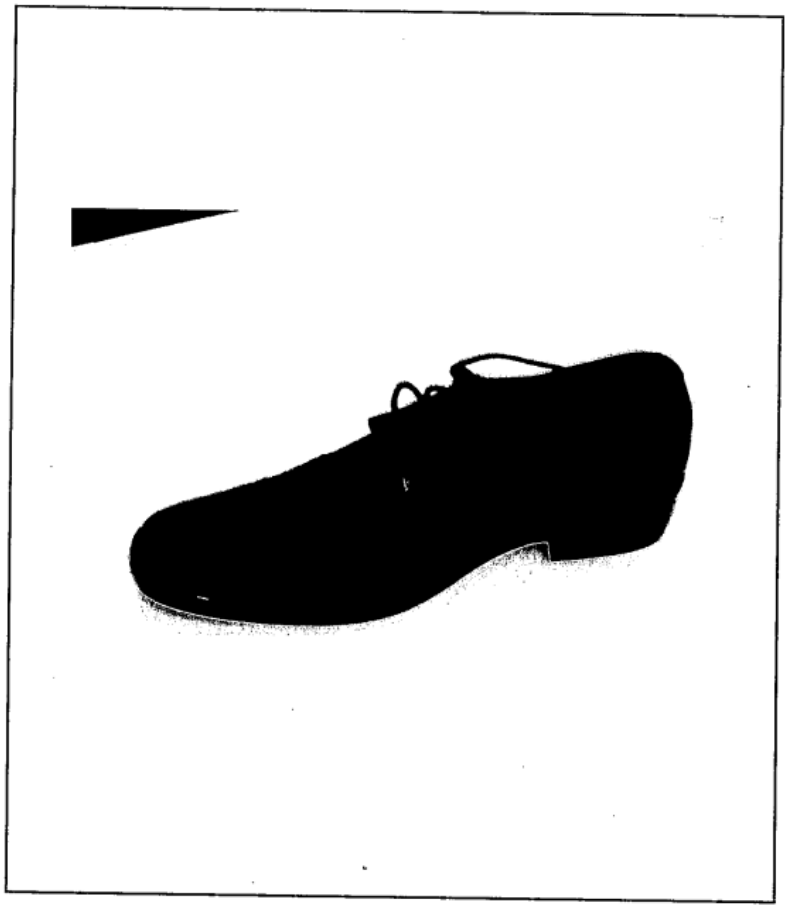

Đế PU, da nappa, mầu đen, thấp cổ, đế cao 2,5cm, có dây buộc.

## II. QUY CÁCH, MÀU SẮC TRANG PHỤC NỮ

### 1. ÁO VÉT TÔNG NỮ

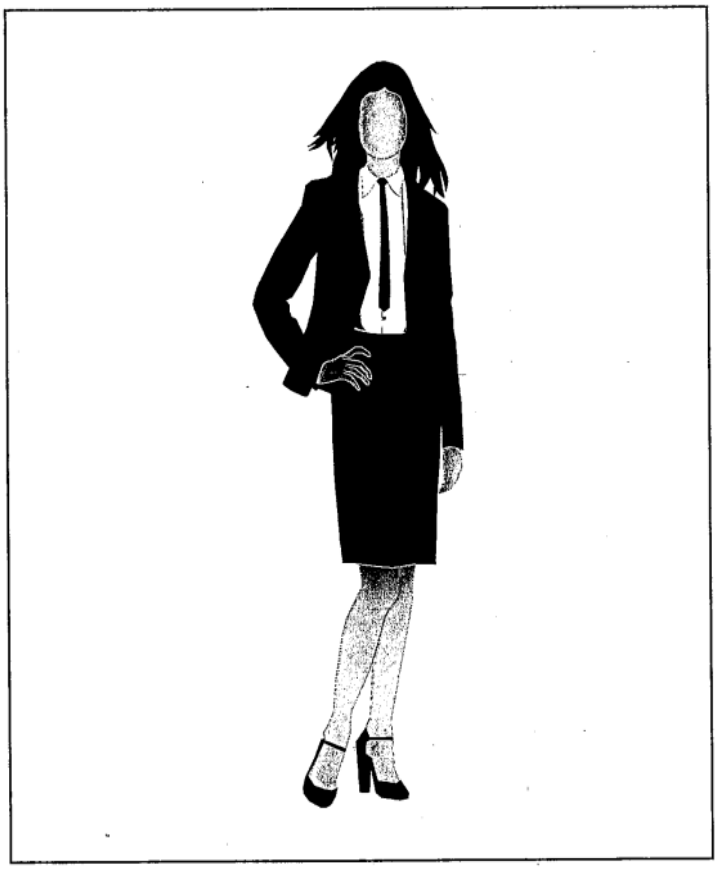

a) Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

b) Màu sắc: Xanh đen.

c) Kiểu dáng: Kiểu 2 lớp, cổ 2 ve, có 02 nút cài, thân trước có bổ 02 túi phía dưới có nắp nẹp áo, thân sau có sống lưng xẻ dưới được bổ mảnh dọc theo thân và cúc nhựa hợp với mầu áo.

## 2. ÁO SƠ MI DÀI TAY NỮ THU - ĐÔNG, QUẦN

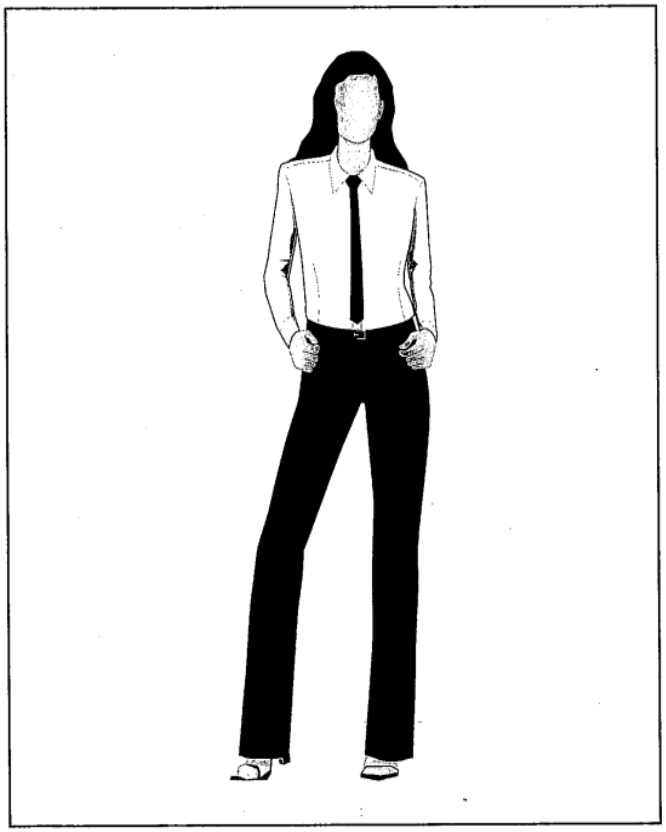

a) Áo sơ mi dài tay thu đông

Chất liệu: Vải pôpơlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Cổ cứng, vạt áo bằng, có hai ly trước và hai ly sau, nẹp bong, tay măng séc và cúc nhựa cùng màu.

b) Quần

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Quần âu kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau có một túi hậu cài khuy. Cửa quần may khóa kéo; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong.

## 3. ÁO SƠ MI NGẮN TAY NỮ, VÁY

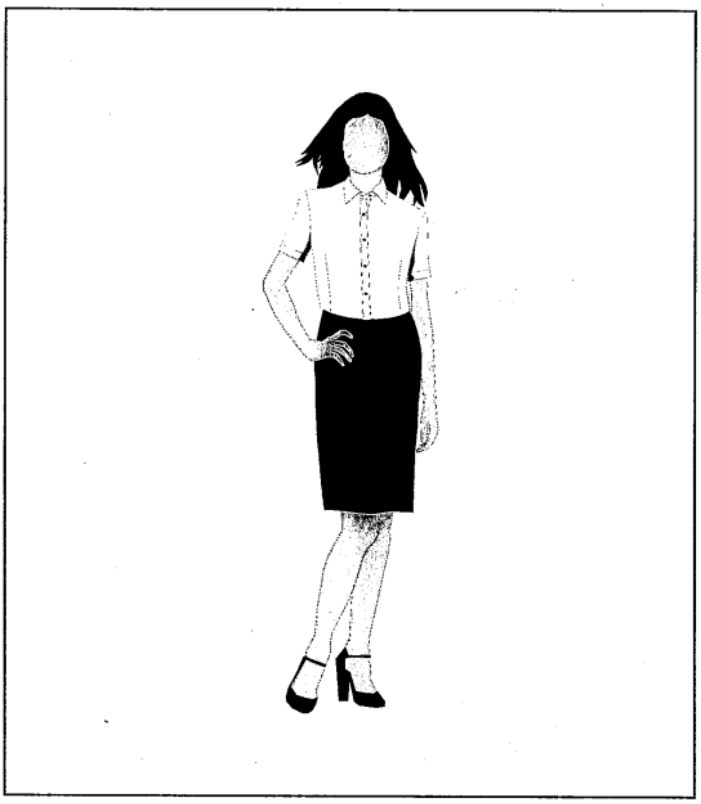

a) Áo sơmi xuân hè ngắn tay

Chất liệu: Vải pôpơlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Cổ cứng, vạt áo bằng, có hai ly trước và hai ly sau, nẹp bong, có cúc nhựa cùng màu, chiều dài tay áo cách khuỷu tay 02 cm.

b) Váy

Chất liệu: Tuytsi pha len

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Váy hình chữ A, thân sau có khóa kéo hình giọt lệ, thân sau có xẻ, chiết ly hai bên, chiều dài váy chấm đầu gối hoặc ngay dưới đầu gối.

## 4. GIÀY DA NỮ

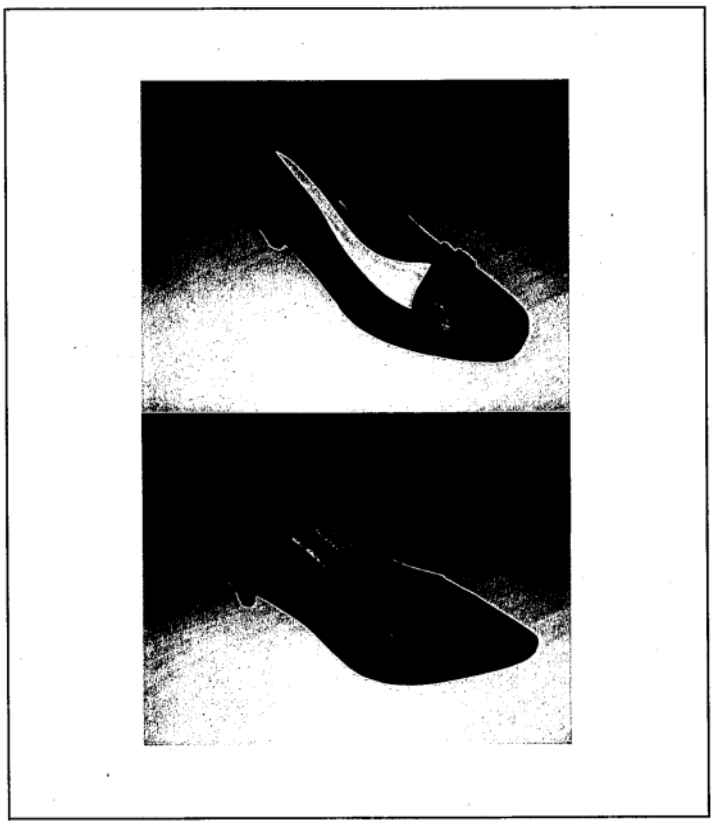

Đế PU, da nappa, mầu đen, thấp cổ, đế cao 2,5cm, có dây buộc.

## III. TRANG PHỤC QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. CÀ VẠT

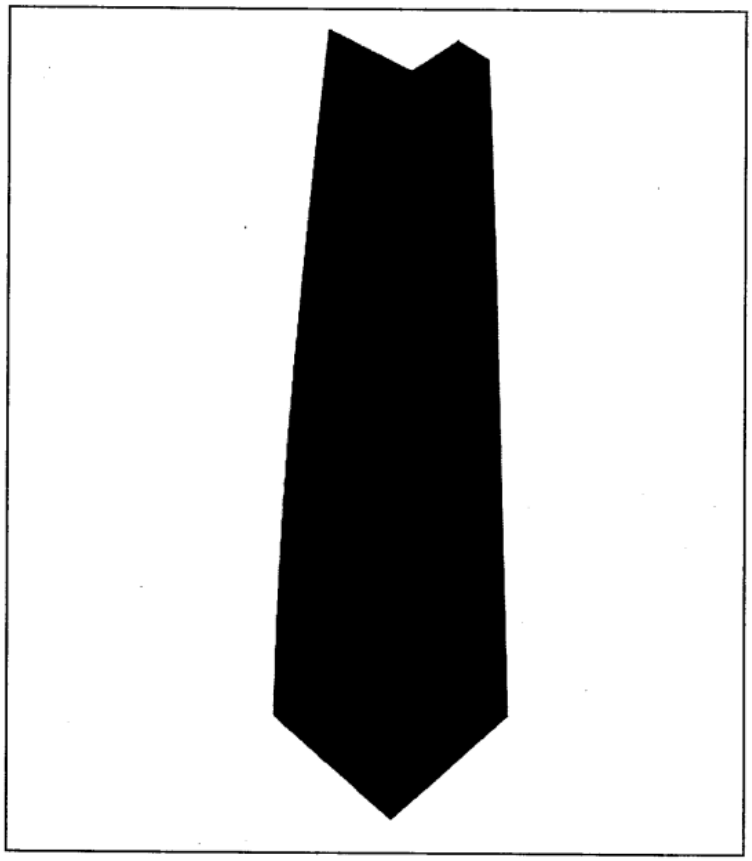

Vải tuytsi pha len, màu xanh đen, dùng cho trang phục thu - đông.

## 2. THẮT LƯNG NAM NỮ

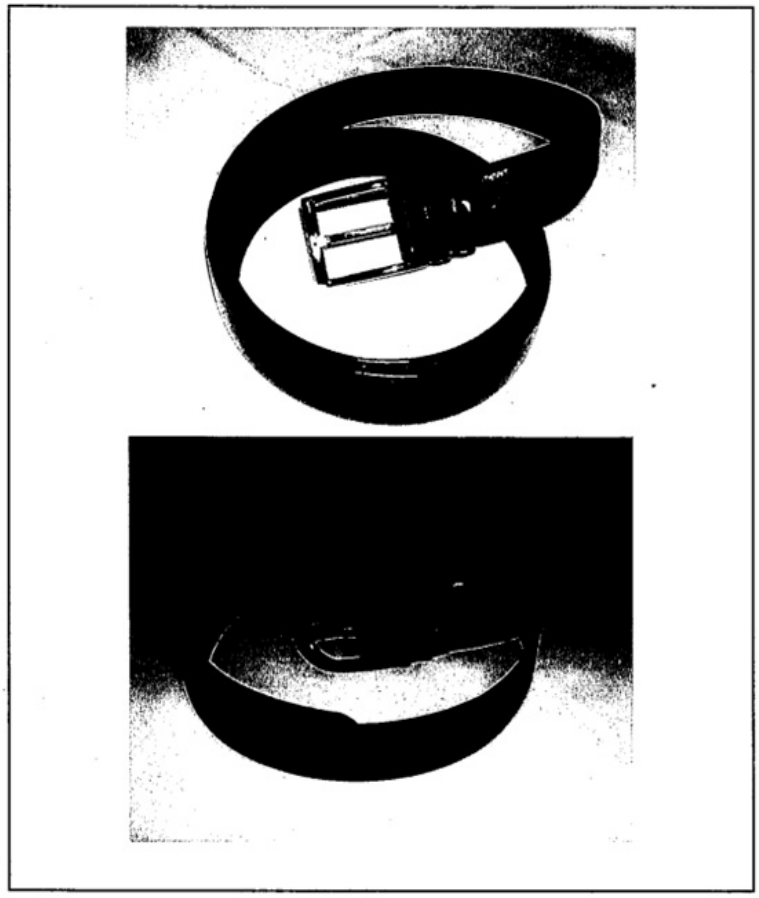

Chất liệu da, mầu đen, có mặt đồng hình chữ nhật, bản rộng 35 mm.

**Phụ lục 26**[76]

**MẪU BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ CÔNG TÁC SÁT HẠCH LÁI XE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, TP...**
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.... tháng.... năm.....*

**BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ CÔNG TÁC SÁT HẠCH LÁI XE**

(Từ ngày..... đến ngày.....)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

| TT | Cơ sở đào tạo | Kỳ sát hạch | Mô tô | Ô tô | Số thí sinh dự sát hạch | Số thí sinh vắng | Số thí sinh đạt sát hạch | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| **Tổng số** | | | | | | | | | |

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu VT,...

**GIÁM ĐỐC SỞ**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[76] Phụ lục này được bổ sung theo quy định điểm đ khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng